# A.13 Kinh Đại Duyên Phương Tiện

*Kinh Trường A-Hàm (VNC PHVN, 2022)*

13. KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị đều ngự tại xứ Kiếp-ma-sa, thuộc nước Câu-lưu-sa. r r Bây giờ, ngài A-nan ở nơi thanh văng, tự suy nghĩ: "Thật kỳ diệu thay, đức Thế Tôn dạy cho sự hiển nhiên của pháp Thập nhị nhân duyên thật sâu xa khó .2 : hiêu. Nhưng theo ý ta quán sát thì như ở trước mát, không có gì là sâu xa." Do đó, A-nan liền rời khỏi tịnh thất đến nơi Thế Tôn ngự, đầu mặt đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên và thưa Thế Tôn: Khi nãy, con ở trong tinh thất tự nghĩ thầm: "Thật kỳ diệu thay, đức Thế Tôn dạy cho sự hiển nhiên của pháp Thập nhị nhân duyên thật là sâu xa khó hiêu. Nhimg theo ý ta quán sát thì như thây trước măt9 không có gì là sâu xa." Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo A-nan: Đừng, đừng A-nan! Chớ nói như thế. Thật ra sự hiển nhiên của pháp Thập nhị nhân duyên thật là sâu xa khó hiểu. Này A-nan! Pháp Thập nhị nhân duyên thật la sâu xa khó hiểu. Này A-nan! Pháp Thập nhị nhân duyên thật khó thấy, khó biết, cho đến hàng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, những người chưa thấy pháp nhân duyên mà muốn suy lường, quán sát, phân biệt nghĩa lý của nó đều bi hoang mang, không thể thấy nổi. Này A-nan9 nay Ta nói với ông: "Lão tử có duyOn." Nếu có người hỏi: "Cái gì làm duyên cho lão tử?" Nên đáp: “Sanh làm duyên cho lão tử." Nếu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho sanh?" Nên đáp: "Hữu làm duyên cho sanh." Nếu hỏi: "Cái gì làm duyên cho hữu?,, Nên đáp: "Thủ làm duyên cho hữu." Nếu lại hỏi: uCái gì làm duyên cho thỉ?' Nên d:“Ai làm duyên cho thỉi." Nếu lại hỏi: uCái gì làm duyên cho ái?" Nên đáp: uThọ làm duyên cho ảiy Nếu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho thQ?" Nên đáp: "Xúc làm duyên cho thẹ)." Nếu lại hỏi: uCái gì làm duyên cho xiic?" Nên đáp: "Lqc nhập làm duyên cho xúc?9 Nếu lại hỏi: “Cái gì làm duyên cho lục nháp?” Nên đáp: “Danh sắc làm duyên cho lục nhap"

194 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Nếu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho danh s*c?" Nên đáp: "Thức làm duyên cho danh sắc." Nếu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho thhc?” Nên đáp: "Hành làm duyên cho thức.,, Nếu lại hỏi: uCái gì làm duyên cho hành?" Nên đáp: "Si làm duyên cho hành." Này A-nan5 bởi nhân duyên như thê là do si làm duyên cho hành; hành làm duyên cho thức; thức làm duyên cho danh sắc; danh sắc làm duyên cho lục nhập; lục nhập làm duyên cho xúc; xúc làm duyên cho thọ; thọ làm duyên cho ái; ái làm duyên cho thủ; thủ làm duyên cho hữu; hữu làm duyên cho sanh; sanh làm duyên cho lão tử, ưu, bi, khổ não. Chúng tập trung thành một khối đại hoạn, đó là nhân duyên của đại khổ ấm (thân) vậy. Phật bảo A-nan: Duyên sanh mà có lão tử, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh, không có sanh thì liệu có lão tử không? A-nan đáp: Không! Thế nên A-nan, do đó mà biết lão tử do sanh, nhơn sanh mà có lão tử. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, duyên hữu mà có sanh, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu thì liệu có sanh không? A-nan đáp: -Không! Thế nên A-nan, do đó mà biết sanh do hữu, nhơn hữu có sanh. Nghĩa của Ta noi la ơ đo. Này A-nan, duyên thủ mà có hữu, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có dục thủ, kiến

thủ, giới cấm thủ và ngã thủ thì liệu có hữu không? A-nan đáp: Không! Này A-nan, do đó mà biết hữu do thủ, duyên thủ có hữu. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, duyên ái mà có thủ, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có dục ái, hữu ái và vô hữu ái thì liệu có thủ không? A-nan đáp: -Không! Thế nên A-nan, do đó mà biết thủ do ái mà có. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, duyên thọ mà có ái, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ (xả thọ) thì liệu có ái không?



A-nan đáp: Không! r r Thê nên A-nan, do đó mà biêt ái do thọ, nhơn thọ có ái. Nghĩa của Ta nói là ở đó. A-nan nên biết, nhơn ái có cầu, nhơn cầu có lợi, nhơn lợi có dụng, nhơn dụng có dục, nhơn dục có trước, nhơn trước có đố, nhơn đố có thủ, nhơn thủ có hộ. Này A-nan? nhơn hộ mới có ra dao gậy, tranh tụng, tạo vô số điều ác. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan! Nghĩa đó thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh nếu không có hộ thì liệu có dao gậy, tranh tụng, tạo ra vô số điều ác không? A-nan đáp: Không! Thế nên A-nan, do đó mà biết dao gậy, tranh tụng là do hộ phát sanh, duyên sự hộ mà có dao gậy, tranh tụng. A-nan? nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, nhân thủ mà có hộ, nghĩa này thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có thủ thì liệu có tâm hộ không? A-nan đáp: -Không! Thế nên A-nan, do đó mà biết hộ là do thủ, nhơn thủ mà có hộ. Nghĩa của Ta noi la ơ đo. Này A-nan, nhơn tật đố mà có thủ, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có tâm tật đố thì liệu có tâm thủ không? A-nan đáp: Không! Này A-nan, Ta vì lẽ đó mà biết thủ do tật đố, nhơn tật đố có thủ. Nghĩa Ta nói là ở đó. Này A-nan, nhơn đăm trước mà có tật đố, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không đắm trước thì liệu có tật đố không? A-nan đáp: -Không! Này A-nan, Ta vì lẽ đó mà biết tật đố là do đắm trước, nhơn đắm trước mà có tật đố. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, nhơn ham muốn mà có đắm trước, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có ham muốn thì liệu có đắm trước không? A-nan đáp: -Không!



e jF r r r -Này A-nan, Ta vì lẽ đó mà biêt đăm trước do ham muôn, nhơn ham muôn mà có đắm trước. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, nhơn thọ dụng mà có ham muôn, nghĩa là thê nào? Là giả sử tát cả chúng sanh không thọ dụng thì liệu có ham muốn không? A-nan đáp: -Không! Này A-nan, Ta vì lẽ đó mà biêt ham muôn là do thọ dụng, nhơn thọ dụng mà có ham muốn. Nghĩa Ta nói là ở đó. Lại nữa, này A-nan, nhơn được lợi mà có thọ dụng, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có được lợi thì liệu có thọ dụng không? A-nan đáp: Không! Này A-nan, Ta vì lẽ đó nên biết thọ dụng do được lợi, nhơn được lợi mà có thọ dụng. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Lại nữa, này A-nan, nhơn tìm cầu mà có được lợi, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có tìm cầu thì liệu có được lợi không? A-nan đáp: Không! Này A-nan, Ta vì lẽ đó nên biêt được lợi là do tìm câu, nhơn tìm câu mà được lợi. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, nhơn tham ái mà có tìm cầu, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh nếu không có tham ái thì liệu có tìm cầu không? A-nan đáp: Không! Thế nên A-nan, Ta vì lẽ đó nên biết tìm cầu là do tham ái, nhơn tham ái mà có tìm câu. Nghĩa của Ta

nói là ở đó. Này A-nan, nhơn tham ái có tìm cầu, cho đến có thủ h, như thế nào thì nhơn thọ mà có tìm cầu, cho đến có thủ hộ cũng như thế ấy. Phật bảo A-nan: -Nhơn xúc có thọ, nghĩa là thế nào? A-nan, giả sử không có nhãn căn, không có sắc trần, không có nhãn thức thì liệu có xúc không? A-nan đáp:  Không! -Giả sử không có nhĩ căn, không có thanh trần, không có nhĩ thức; không có tỷ căn, không có hương trần, không có tỷ thức; không có thiệt căn, không có vị trần, không có thiệt thức; không có thân căn, không có xúc tràn, không có thân thức; không có ý căn, không có pháp trần, không có ý thức thì liệu có xúc không?



A-nan đáp:

-Không!

r

-Này A-nan, giả sử tát cả chúng sanh không có xúc thì liệu có thọ không?

A-nan đáp:

Không!

Thê nên A-nan5 Ta vì lẽ đó nên biêt thọ do xúc, nhơn xúc mà có thọ. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Này A-nan, nhơn danh sắc mà có xúc, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có danh sắc thì liệu có xúc không?

A-nan đáp:

Không!

A-nan, giả sử tất cả chúng sanh không có hình sắc, tướng mạo, liệu có xúc không?

A-nan đáp:

-Không!

Này A-nan, nếu không có danh sắc thì liệu có xúc không?

A-nan đáp:

Không!

Thế nên A-nan, Ta vì lẽ đó nên biết xúc do danh sắc, nhân danh sắc mà có xúc. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Này A-nan, nhơn thức có danh sắc, nghĩa là thế nào? Là giả sử thức không nhập thai mẹ thì có danh sắc không?

A-nan đáp:

-Không!

Nếu thức nhập nhưng không xuất thai thì liệu có danh sắc không?

A-nan đáp:

Không!

Nếu thức ra khỏi thai mà đứa hài nhi hư hỏng thì liệu danh sắc có được tăng trưởng không?

A-nan đáp:

Không!

Này A-nan, nếu không có thức thì có danh sắc không?

A-nan đáp:

Không!

- Thế nên A-nan, Ta vì lẽ đó mà biết danh sắc do thức, nhân thức có danh sắc. Nghĩa Ta nói là ở đó.

198 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Này A-nan, nhân danh sắc mà có thức, nghĩa là thế nào? Là giả sử thức không trú nơi danh sắc thì thức không có chỗ trú, như vậy liệu có sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não không? A-nan đáp: Không! Này A-nan? nếu không có danh sắc thì có thức không? A-nan đáp: -Không! Thế nên A-nan, Ta vì lẽ đó nên biết thức do danh sắc, nhân danh sắc có thức. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, thế nên biết danh sắc làm duyên cho thức, thức làm duyên cho danh sác; danh sác làm duyên cho lục nhập, đông thời lục nhập làm duyên cho xúc; xúc làm duyên cho thọ, thọ làm duyên cho ái; ái làm duyên cho thủ, thủ làm duyên cho hữu; hữu làm duyên cho sanh, sanh làm duyên cho lão-tử-ưu-bi- khổ-não. Chúng tập trung thành đại khổ ấm (thân). Này A-nan, ngang đây là đáng nói, ngang đây là thích ứng, ngang đây là hạn lượng, ngang đây là điều diễn thuyết, ngang đây là chỗ trí quán, ngang đây là chúng sanh. Này A-nan, các Tỳ-kheo đối với pháp trên chánh quán như thật với Tâm vô lậu giải thoát, các vi Tỳ-kheo ấy sẽ gọi là Tuệ giải thoát. Vị Tỳ-kheo giải thoát như vậy. Như Lai không có kiếp sau, vi này cũng biết; Như Lai có kiếp sau, vị này cũng biết; Như Lai vừa không vừa có kiếp sau, vi này cũng biết; đức Như Lai chẳng phải không chẳng phải có kiếp sau, vi này cũng biết. Tại sao? Này A-nan, vì ngang đây là đáng nói, ngang đây là thích ứng, ngang đây là giới hạn, ngang đây là điều diễn thuyết, ngang đây là chỗ trí quán và ngang đây là chúng sanh. Đối với vi Tỳ-kheo đã thấu rõ trọn vẹn như vậy rồi, vị Tỳ-kheo với Tâm vô lậu giải thoát không còn biết, không còn tri kiến như vậy nữa. Này A-nan, phàm người chấp ngã, họ chấp ngang đây mà gọi là ngã kiến. Đối với danh sắc và thọ, họ đều chấp làm ngã. Hoặc có người chấp: Thọ chẳng phải là ngã nhưng ngã là thọ. Có người chấp: Thọ chẳng phải là ngã nhưng thọ pháp là ngã. Có người chấp: Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp chẳng phải là ngã nhưng chỉ có thọ là ngã. Này A-nan, người chấp ngã ấy nói: 'Thọ là ngây thì nên nói với họ: "Bức Như Lai nói: 'Có ba thứ thọ là lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ (xả thọ)? Vả lại, trong khi có lạc thọ thì không có khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Trong lúc có bất khổ bất lạc thọ thì không có khổ thọ và lạc thọ?9 Tại sao thế? Này A-nan, vì có xúc chạm cảnh vui làm duyên mới sanh ra lạc thọ. Nếu như sự xúc chạm cảnh vui diệt thì thọ cũng diệt. Này A-nan, vì có sự xúc chạm cảnh khổ làm duyên nên sanh ra khổ thọ, nếu như sự xúc chạm cảnh

13. KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN > 199

khô diệt thì thọ cũng diệt. Này A-nan, vì sự xúc chạm cảnh không khô không vui làm duyên nên sanh ra bất khổ bất lạc thọ, nếu sự xúc chạm cảnh không khổ không vui diệt thì thọ cũng diệt. Này A-nan, như hai khúc cây cọ vào nhau thì phát ra lửa, nếu hai khúc cây đêu đê hai vị trí khác thì không có lửa; sự kiện trên cũng như thê. Vì nhân nơi xúc chạm cảnh vui làm duyên nên sanh ra lạc thọ, nếu sự xúc chạm cảnh vui diệt thì

thọ cũng diệt. Nhân sự xúc chạm cảnh khô làm duyên nên sanh ra khô thọ. nếu sự xúc chạm cảnh khổ diệt thì thọ cũng diệt. Nhân nơi sự xúc chạm cảnh không khổ không lạc làm duyên nên sanh ra bất khổ bất lạc thọ, nếu sự xúc chạm cảnh không khổ không lạc diệt thì thọ cũng diệt. Này A-nan, ba thứ thọ này là pháp hữu vi vô thường, do nhân duyên mà sanh nên là pháp phải tan, phải diệt, là pháp hư hoại, nó chẳng phải từ ngã mà có, và ngã cũng chẳng phải từ nó mà có... Nếu dùng chánh trí quán sát đúng như thật, thì này A-nan, người chấp ngã đó, chấp thọ làm ngã, là chấp sai. Này A-nan, nêu người châp ngã ây nói: "Thọ chăng phải là ngã nhưng ngã là thp" thì nên nói với họ: "Bức Như Lai nói: 'Có ba thứ thọ là lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ.9 Nếu lạc thọ là ngã thì khi lạc thọ diệt, lẽ ra phải có hai cái ngã. Do đó nên biêt đây là châp sai. Hơn nữa, nêu khô thọ là ngã, vậy khi khổ thọ diệt thì có hai cái ngã sao?" Như thế là họ chấp sai. Nếu có người chấp: "Bất khổ bất lạc thọ là ngã,9 thì trong khi bất khổ bất lạc thọ diệt, lẽ ra phải có hai cái ngã. Do đó là họ chấp sai. Này A-nan, nêu người châp ngã nói như thê này: "Thọ chăng phải là ngã, ngã là thQ"là họ chấp sai. r ỉ 9 9

Này A-nan, nêu người châp ngã nói: "Thọ chăng phải là ngã, ngã chăng phải là thọ, thọ pháp là ngâT thì ông nên hỏi họ: "Tất cả không có thọ, thế nào ngươi lại nói có thọ pháp? Chính ngươi là thọ pháp chng?" Họ đáp: "Không phi!" Thế nên A-nan, người chấp ngã nói: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp là ngã9\ là họ chấp sai. Này A-nan, nếu người chấp ngã nói: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp chẳng phải là ngã, chỉ có thọ là ngãT thì nên hỏi họ: "Tất cả không có thọ, thế nào ngươi lại nói có thọ? Chính ngươi là thọ u?" Đáp: "Kh6ng!" Thế nên A-nan, người chấp ngã nói: uThọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp chẳng phải là ngã nhưng chỉ có thọ là ngã9\ là họ chấp sai. Này A-nan, ngang đây là đáng nói, ngang đây là thích ứng, ngang đây là hạn lượng, ngang đây là điều diễn thuyết, ngang đây là chỗ trí quán, ngang đây là chúng sanh. Này A-nan, những Tỳ-kheo đối với pháp đó dùng chánh trí quán sát đúng như thật, với Tâm vô lậu giải thoát. A-nan, những vị Tỳ-kheo này gọi là Tuệ giải thoát. Vị Tỳ-kheo với tâm giải thoát như thế thì hữu ngã cũng biết, vô ngã cũng biết, hữu ngã vô ngã cũng biết, phi hữu ngã phi vô ngã cũng biết. Vì sao? Này A-nan, vì ngang đây là đáng nói, ngang đây là thích



ứng, ngang đây là hạn lượng, ngang đây là điều diễn thuyết, ngang đây là chỗ trí quán, ngang đây là chúng sanh. Đôi với vị Tỳ-kheo đã thâu rõ trọn vẹn như vậy rồi, vị Tỳ-kheo với Tâm vô lậu giải thoát không còn biết, không còn tri kiến như vậy nữa. Phật bảo A-nan: Những người châp ngã lây cái riêng của mình quyêt định. Hoặc có người chấp: Thiêu phân sác chát làm ngã; hoặc chấp: Đa phân sác chát làm ngã; hoặc nói: Thiểu phần vô sắc làm ngã; hoặc chấp: Đa phần vô sắc làm ngã. Này A-nan, người châp thiêu phân săc chát làm ngã, họ cô định vào thiêu phân sác chát làm ngã, và cho răng chỉ có điêu họ thây là đúng, ngoài ra là sai. Người châp đa phân săc chát làm ngã, họ cô đinh lây đa phân sác chát làm ngã, và cho rằng chỉ có điều họ thấy là đúng, ngoài ra là sai. Còn người chấp thiểu phần vô sác làm ngã, họ cô đinh vào thiêu phân vô sác làm ngã, và cho răng chỉ có điêu họ thấy là đúng, ngoài ra là sai. Đối với người chấp đa

phần vô sắc làm ngã, họ cố định vào đa phần vô sắc làm ngã, và cho rằng chỉ có điều họ thấy là đúng, ngoài ra là sai. Phật bảo A-nan:  Có bảy chỗ thức trú và hai chỗ nhập định mà các Sa-môn, Bà-la-môn đều cho đây là an ổn? là chỗ cứu hộ, là nhà cửa, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền não. Những gì là bảy? (1) Có thế giới mà chúng sanh trong đó có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, như cõi trời, cõi người chẳng hạn. Đó là chỗ thức tru thứ nhất mà các Sa-môn5 Bà-la-môn cho đây là an ổn, là chỗ cứu hộ? là nhà cửa, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền não. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào biết chỗ thức trú thứ nhất, biết sự sanh khởi, biết sự tiêu diệt, biết sự lôi cuốn, sự nguy hại và sự thoát ly nó một cách như thật, Tỳ-kheo đó sẽ bảo: “N6 chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là là thấy biết như thật. (2) Có thế giới mà chúng sanh trong đó gồm có nhiều thân nhưng chỉ có một tưởng, là cõi trời Phạm Quang Am chăng hạn. (3) Có thê giới chúng sanh chỉ có một 9 -í • l . _ ộ 9

loại thân nhimg lại có nhiêu tưởng, như cõi trời Quang Am chăng 7 0 . r hạn. (4) Có * 9

thê giới chúng sanh chỉ có một thân và một tưởng, như cõi trời Biên Tịnh chăng hạn. (5) Có chúng sanh ở Không Xứ; (6) Có chúng sanh ở Thức Xứ; (7) Có chúng sanh ở Bất Dụng Xứ (Vô Sở Hữu Xứ). Đây là bảy chỗ thức trú mà các Sa-môn, Bà-la-môn thường cho là an on, là chỗ cứu hộ, là nhà cửa, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền não. Này A-nan, nếu vị Tỳ-kheo nào biết rõ bảy chỗ thức trú này, biết sự sanh khởi và sự tiêu diệt của nó, đong thời biết sự lôi cuốn và sự nguy hại của nó cùng sự thoát ly nó một cách như thật, vị Tỳ-kheo đó sẽ bảo: "N6 chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là n6", là thấy biết như thật. Đó là bảy chỗ thức trú.

13. KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN  201

Thế nào là hai chỗ nhập định? Là nhập định Vô tưởng và nhập định Phi tưởng phi vô tưởng. Này A-nan, đó là hai chỗ nhập định mà các Sa-môn, Bà- la-môn cho đây là an ổn? là chỗ cứu hộ, là nhà cửa, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiên não. Này A-nan, nêu Tỳ-kheo nào biết hai chỗ nhập định, biết nhân sanh khởi, biết sự tiêu diệt, biết sự lôi cuồn, sự nguy hại của nó và sự thoát ly nó một cách như thật, Tỳ-kheo đó sẽ bảo: "N6 chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là nỏ'\ là thấy biết như thật. Đó là hai chỗ nhập định. Này A-nan, lại có tám pháp giải thoát. Thế nào là tám? Dùng sắc quán sắc là pháp giải thoát thứ nhát. Dùng nội tưởng săc quán ngoại sác là pháp giải thoát thứ hai. Tịnh giải thoát là pháp giải thoát thứ ba. Vượt qua sắc tưởng, diệt trừ tư tưởng có đối tượng (hữu đối), không niệm tưởng tạp loạn, trụ vào Không xứ; đó là pháp giải thoát thứ tư. Vượt khỏi Không xứ, trụ vào Thức xứ; đó là pháp giải thoát thứ năm. Vượt khỏi Thức xứ, trụ vào Bất dụng xứ; đó là pháp giải thoát thứ sáu. Vượt khỏi Bất dụng xứ, trụ vào Hữu tưởng vô tưởng xứ; đó là pháp giải thoát thứ bảy. Diệt tận định; đó là pháp giải thoát thứ tám. Này A-nan, các Tỳ-kheo đối với tám pháp giải thoát trên, ngược xuôi qua lại, tự tại ra vào, vị Tỳ-kheo như vậy chứng được Câu phần giải thoát. r Bây giờ, ngài A-nan nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

*Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.*